Phụ lục: GIAO NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CÁC NHÓM CHỈ TIÊU CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 245 /QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu 2025	Cơ quan chủ trì thực hiện/theo dõi, đánh giá	Cơ quan phối hợp
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn	%	7,7 - 8	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cục Thống kê, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố
2	Cơ cấu kinh tế				
	Nông, lâm nghiệp	%	21 - 22		
	Công nghiệp - xây dựng	%	24 - 25		
	Dịch vụ	%	50 - 51		
	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	4 - 5		
3	Tổng sản phẩm bình quân đầu người trên địa bàn	Triệu đồng	69 - 70		
4	Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn	Nghìn tỷ đồng	40 - 41		
5	Tổng lượt khách du lịch	Nghìn lượt	4.400	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND các huyện, thành phố
	Tổng doanh thu du lịch	Tỷ đồng	4.500		
6	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu	Triệu USD	6.250	Sở Công Thương, Cục Hải quan	Ban Quản lý Khu KTCK Đồng Đăng - Lạng Sơn, UBND các huyện, thành phố
	Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu hàng địa phương	%	8 - 9		
7	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	9.937,8	Sở Tài chính, Cục Thuế, Cục Hải quan	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố
	- Thu nội địa	Tỷ đồng	3.487,8		
	- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	Tỷ đồng	6.450		
	Tổng chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	18.691,4		
8	Xây dựng thêm xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	9	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố
9	Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông	%	100	Sở Giao thông vận tải	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Xây dựng; UBND các huyện, thành phố
	Tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm thôn được cứng hóa	%	90		

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu 2025	Cơ quan chủ trì thực hiện/theo dõi, đánh giá	Cơ quan phối hợp
10	Phát triển thêm trường học đạt chuẩn quốc gia	Trường	15	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND các huyện, thành phố
11	Tỷ lệ thôn có nhà văn hoá đạt chuẩn	%	80	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND các huyện, thành phố
12	Duy trì xã, phường, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã	%	100	Sở Y tế	Bảo hiểm xã hội tỉnh, UBND các huyện, thành phố
	Số bác sỹ/10.000 dân	Bác sỹ	11,5		
	Số giường bệnh/10.000 dân	Giường	34,0		
	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	>95		
12	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	65	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Bảo hiểm xã hội tỉnh, UBND các huyện, thành phố
	Tỷ lệ người lao động tham gia bảo hiểm xã hội so với lực lượng lao động trong độ tuổi lao động	%	45		
14	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	2 - 2,5		
15	Giảm tai nạn giao thông cả 3 tiêu chí	%	≥ 5	Sở Giao thông vận tải, Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố
	Giảm phạm pháp hình sự hằng năm	%	≥ 3	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố
16	Trồng rừng mới	Ha	9.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các huyện, thành phố
	Tỷ lệ che phủ của rừng	%	65,0		
17	Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	99,0	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các huyện, thành phố
18	Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom và xử lý	%	98,82	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Xây dựng, UBND các huyện, thành phố
	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý	%	100	Sở Y tế	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thành phố